

Số: 1495/STNMT-VP

Bình Phước, ngày 07 tháng 7 năm 2017

V/v trả lời chất vấn tại kỳ họp
thứ tư, HĐND tỉnh.

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Công văn số 206/HĐND ngày 29/6/2017 của HĐND tỉnh về việc thống nhất nội dung chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ tư, HĐND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ tư, HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

I. Tình hình triển khai và thực hiện Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Trách nhiệm của Sở trong việc tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Thực hiện Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Quyết định số 08), Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 451/STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/3/2017 đôn đốc các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện.

Sau hơn 2 tháng thực hiện Quyết định số 08 nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc với các huyện, thị xã có liên quan để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, đồng thời tổ chức họp các sở, ngành có liên quan để đề xuất hướng xử lý, tháo gỡ.

Qua tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề xuất UBND tỉnh hướng giải quyết tại Báo cáo số 89a/STNMT-CCQLĐĐ ngày 26/6/2017, cụ thể như sau:

1) Vướng mắc trong xác định đối tượng trực tiếp hoặc không trực tiếp sản xuất nông nghiệp để xét giao đất không thu tiền hoặc cho thuê đất;

2) Vướng mắc trong xử lý những GCNQSD đất (thuê đất) đã ký, kèm theo Quyết định cho thuê đất nhưng người dân chưa nhận;

3) Vướng mắc về tiền thuê đất, thẩm quyền cấp GCNQSD đất trong trường hợp cấp đổi GCNQSD đất đã cấp theo Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND theo khoản 3 điều 10 của Quyết định số 08; vấn đề đã chuyển nhượng đất sau khi được cấp GCNQSD đất và xử lý một số

trường hợp cấp sai theo Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND;

4) Đối với các GCNQSD đất đã cấp chồng trên diện tích đất lâm nghiệp trước đây, nay thuộc quỹ đất nông nghiệp tách khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng giao về địa phương quản lý;

5) Xử lý những vấn đề giao đất, thuê đất liên quan đến diện tích nằm trong khu quy hoạch giao thông, công nghiệp, dân cư, các khu quy hoạch dự trữ;

6) Vướng mắc trong việc sử dụng tài liệu đo đạc độc lập hay đo đạc địa chính chính quy để xét cấp GCNQSD đất đối với các trường hợp đã đo đạc độc lập nhưng chưa hoàn thành, hiện đã có tài liệu đo đạc chính quy ở 2 huyện (*Bù Gia Mập và Phú Riềng*). Xử lý tồn tại của việc đo đạc độc lập ở 2 huyện trên.

7) Vướng mắc về thanh lý các hợp đồng giao nhận khoán đất lâm nghiệp.

Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp với thành phần dự họp gồm các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã. Ngày 03/7/2017, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 165/TB-UBND kết luận cuộc họp nêu trên. Theo đó, cơ bản các nội dung vướng mắc đã được xử lý. Riêng đối tượng sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngoài hộ gia đình, cá nhân đều sản xuất nông nghiệp thì các nhóm đối tượng khác đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

1. Quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a. Tầm quan trọng của công tác lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất là việc phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định.

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Do đó theo quy định hiện nay công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là nội dung rất quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với đất đai.

b. Tiến độ thực hiện

Nhận thức được tầm quan trọng này, trước khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị

số 06/CT-UBND ngày 28/02/2014 về việc triển khai thi hành Luật Đất đai, trong đó có nội dung chỉ đạo đẩy nhanh công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; đồng thời tại Công văn số 836/UBND-KTN ngày 25/3/2015, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thị xã tiếp tục triển khai thực hiện nội dung này.

1) Đối với công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) cấp tỉnh và cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu thực hiện hoàn thành.

2) Đối với việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh và cấp huyện:

* *Đối với cấp tỉnh:* UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí tại Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 16/8/2016. Tuy nhiên, do chưa bố trí được kinh phí nên đến ngày 09/3/2017, UBND tỉnh mới phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án tại Quyết định số 494/QĐ-UBND.

Căn cứ các Quyết định nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức triển khai dự án theo đúng quy định. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành và lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và của Sở; đồng thời sẽ tổ chức thông qua UBND tỉnh trước khi trình các Bộ, ngành Trung ương thẩm định.

Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã đăng ký trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2017 trước khi trình Chính phủ phê duyệt.

* *Đối với cấp huyện:* Theo phân cấp tài chính, đây là dự án sử dụng kinh phí cấp huyện, do đó UBND các huyện, thị xã là cơ quan quyết định phê duyệt kinh phí và tổ chức thực hiện dự án.

Hiện nay, một số huyện, thị xã đã phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí và tổ chức đấu thầu thực hiện dự án; một số huyện, thị xã còn lại do chưa bố trí được kinh phí nên chưa phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí. Vì vậy, tiến độ thực hiện đã chậm so với quy định.

Để khắc phục tình trạng này, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản hướng dẫn và đôn đốc các huyện, thị xã quan tâm bố trí kinh phí và chỉ đạo thực hiện để kịp hoàn thành năm 2017.

3) Đối với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện:

Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Đến nay, Kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017 của 11 huyện, thị xã đều đã thực hiện hoàn thành và đã được UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Tuy nhiên tiến độ hoàn thành các dự án Kế hoạch sử dụng đất còn chậm so với thời gian quy định; tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất không cao, tỷ lệ

các dự án thực hiện thấp; nhiều dự án đầu tư và nhu cầu sử dụng đất không có trong Kế hoạch sử dụng đất nên ảnh hưởng đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

** Nguyên nhân:*

- Đối với hộ gia đình, cá nhân: chưa thấy được sự cần thiết, quan trọng của việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện việc giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó, hộ gia đình, cá nhân không chủ động hoặc ước tính được kế hoạch sử dụng đất cho năm sau của hộ, việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất mang tính đột xuất, tức thời theo nhu cầu hiện tại và khả năng kinh tế của hộ.

- Đối với các doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp nước ngoài: không biết thông tin để đăng ký nhu cầu sử dụng đất; các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước đều là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mặt bằng kinh doanh chủ yếu là đất ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế, nhà đầu tư phải tự lựa chọn vị trí thích hợp và thỏa thuận bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án. Do đó việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trước khi thực hiện là rất khó khăn.

- Bên cạnh đó, từ năm 2015 – 2016 chưa có quy định về đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Do đó, các dự án đầu tư nếu không đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất phải chờ đến Kế hoạch sử dụng đất của năm tiếp theo để đăng ký mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

Để giải quyết những khó khăn nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 1177/UBND-KT ngày 14/4/2017 chỉ đạo các huyện, thị xã nghiêm túc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho những năm tiếp theo theo đúng nội dung trình tự và thời gian quy định.

Đối với các dự án, nhu cầu sử dụng đất chưa kịp đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ để tham mưu UBND tỉnh quyết định cho bổ sung để đủ điều kiện thực hiện.

c. Đánh giá kết quả thực hiện

Nhìn chung, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp trên địa bàn toàn tỉnh đã đi vào nề nếp; các bước lập, thẩm định, phê duyệt, công bố công khai được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định.

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bình Phước đã thực hiện hoàn thành năm 2013, đây là cơ sở pháp lý quan trọng của công tác quản lý nhà nước đối với đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã cơ bản đáp ứng đủ quỹ đất cho sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị - thương mại - dịch vụ, các khu dân cư và an ninh, quốc phòng,...

Việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua, quỹ đất của tỉnh đã được bố

trí một cách hợp lý, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quỹ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản được thực hiện trên cơ sở tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Bên cạnh những mặt đã đạt được nêu trên, trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn một số tồn tại sau:

- Theo nguyên tắc quy hoạch sử dụng đất cấp dưới phải phù hợp và căn cứ vào phân bổ chỉ tiêu các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất của cấp trên, do đó việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp dưới chỉ được thực hiện sau khi quy hoạch của cấp trên được phê duyệt, vì vậy sẽ làm chậm tiến độ thực hiện công tác lập quy hoạch sử dụng đất các cấp. Đồng thời, do còn khó khăn về cấp kinh phí thực hiện nên tiến độ thực hiện các dự án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trong thời gian qua còn chậm.

- Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được tiến hành rất thuận lợi ở địa phương, nhưng sau khi phương án quy hoạch sử dụng đất ở các cấp đã được phê duyệt thì việc triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn do điều kiện thiếu vốn ngân sách ở địa phương phục vụ công tác bồi thường, giải tỏa nên phương án quy hoạch, dự án không thực hiện đúng theo kế hoạch. Do đó phải tiến hành điều chỉnh lại thời gian quy hoạch, làm cho những người dân sống trong vùng quy hoạch chưa yên tâm.

- Mặc dù việc quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đã dần đi vào nề nếp và ngày càng chặt chẽ, tuy nhiên tình trạng người dân tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, không phù hợp với phương án quy hoạch sử dụng đất vẫn còn xảy ra.

- Về việc chưa đánh giá sơ kết thực hiện Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 06/8/2012 của HĐND tỉnh về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) cấp tỉnh: Khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh sẽ có nội dung đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất của kỳ trước. Do đó vào kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ trình phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; đồng thời sơ kết thực hiện Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 06/8/2012 của HĐND tỉnh.

2. Quản lý nhà nước về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tổng số diện tích đất cần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) trên địa bàn tỉnh là 607.029 ha. Tính đến thời điểm hiện nay đã cấp GCNQSD đất được 561.066,51 ha, đạt 92,43% diện tích cần cấp GCNQSD đất. Trong đó:

- Chia theo đối tượng sử dụng như sau:

+ Hộ gia đình, cá nhân là: 298.243,74 ha;

+ Tổ chức là: 262.822,77 ha.

- Chia theo loại đất như sau:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: đã cấp được đạt 99,21% với diện tích 387.192,81 ha.

+ Đất lâm nghiệp: sau quy hoạch 03 loại rừng, diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh còn lại là 178.730 ha. Trong đó đã cấp GCNQSD đất cho các đơn vị chủ rừng là 167.141 ha, chiếm 93,5%; diện tích còn lại chưa cấp GCNQSD đất là 11.589 ha, chiếm 6,5% (*Diện tích này thuộc đất lâm nghiệp của Ban QLRPH Minh Đức trước đây, nay giao về huyện Hớn Quản quản lý và đất thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Cát Tiên*).

+ Đất trụ sở cơ quan, công trình công cộng có diện tích là 2.206,0 ha. Hiện đã cấp được 1.006 ha, đạt 45,6%; diện tích còn lại khoảng 1.200 ha, tỷ lệ cấp GCNQSD đất đối với loại đất này tương đối thấp so với các loại đất khác. Lý do là các đơn vị sử dụng đất chưa quan tâm đến việc cấp GCNQSD đất và do không có nhu cầu cấp GCNQSD đất.

Để đẩy nhanh tiến độ cấp GCNQSD đất đối với loại đất này, trong năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã có thông báo gửi đến các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh tiến hành lập thủ đăng ký đất đai và lập thủ tục cấp GCNQSD đất. Trong thời gian tới, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục nhắc nhở, đôn đốc để hoàn thành việc cấp GCNQSD đất.

+ Đối với diện tích đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng là 159.704,6 ha. Trong đó diện tích cần cấp GCNQSD đất là 104.433,1 ha, đến nay đã cấp được 41.185,1 ha, đạt 39,4%. Hiện nay, các huyện, thị xã đang triển khai thực hiện Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh; đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đang trình UBND tỉnh xem xét, hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định này nhằm sớm hoàn thành việc cấp GCNQSD đất đối với quỹ đất nông nghiệp tách khỏi lâm phần sau quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

III. Công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với các trang trại chăn nuôi, công ty chế biến mủ cao su, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường; phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành thanh, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án xây dựng trang trại, nhà máy chế biến mủ cao su, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khâu lập, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các trang trại, nhà máy chế biến mủ cao su, khu, cụm công nghiệp; yêu cầu tất cả các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu công

nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát) lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động để theo dõi, giám sát theo quy định.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 36 nhà máy chế biến mủ cao su, 276 trang trại chăn nuôi công nghiệp (trong đó có 232 dự án do cấp huyện xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, 80 dự án do UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường), 08 khu công nghiệp và 01 cụm công nghiệp đang hoạt động. Hầu hết các doanh nghiệp đã thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi triển khai dự án theo quy định. Đến tháng 6/2017 đã có 06 khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung (trong đó 04 khu công nghiệp đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động kết nối truyền dữ liệu trực tiếp từ về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát), 03 khu, cụm công nghiệp chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (KCN Đồng Xoài I, KCN Chơn Thành II, CCN Hà My).

Qua kết quả thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm của các trang trại chăn nuôi, nhà máy chế biến mủ cao su, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện cho thấy: phần lớn các doanh nghiệp đã có ý thức chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường như: xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn để xử lý các chất thải phát sinh. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: các công trình xử lý chất thải xây dựng chưa đúng theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, hiệu quả của các công trình xử lý chất thải vẫn chưa cao, chưa đạt yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường... Nguyên nhân là do một số doanh nghiệp có công nghệ xử lý nước thải lạc hậu, thiếu kinh phí, đầu tư không đồng bộ nên việc quản lý, vận hành các trạm xử lý nước thải còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, do tính chất nước thải của ngành chế biến mủ cao su, tinh bột mì, chăn nuôi gia súc thường có nồng độ chất ô nhiễm cao, khó xử lý nên một số doanh nghiệp dù đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn nhưng sau một thời gian vận hành hệ thống bị xuống cấp, nước thải xử lý không đạt theo yêu cầu. Qua kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn, yêu cầu các doanh nghiệp phải hoàn tất các thủ tục; xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận; đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh đạt Quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) theo quy định mới được phép thải ra môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh: trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/3/2017 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước; ban hành Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 17/5/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nhằm tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp các ngành chức năng, UBND

các huyện, thị xã tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 115/KH-UBND của UBND tỉnh; yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng các công trình xử lý chất thải theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh đạt QCVN mới được phép thải ra môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, đặc biệt là nước thải từ các nhà máy chế biến mủ cao su, tinh bột mì và khu công nghiệp; tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

IV. Theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy thì mục tiêu đến hết năm 2017, 100 % cơ sở chế biến mủ cao su, tinh bột mì có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A QCVN theo quy định. Với trách nhiệm là cơ quan tham mưu của UBND tỉnh, Sở có phương hướng và giải pháp như thế nào để thực hiện tốt mục tiêu đề ra.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 36 nhà máy chế biến mủ cao su và 08 nhà máy chế biến tinh bột mì đang hoạt động phát sinh nước thải với tổng lưu lượng khoảng 17.000 m³/ngày đêm. Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất đều được các doanh nghiệp thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đạt cột A hoặc cột B theo Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là cột A hoặc cột B). Theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy thì mục tiêu đến hết năm 2017, 100 % cơ sở chế biến mủ cao su, tinh bột mì có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A của QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Đến nay đã có 20 nhà máy chế biến mủ cao su và tinh bột mì phát sinh nước thải với lưu lượng lớn, khoảng 13.600 m³/ngày đêm (chiếm 80% tổng lượng nước thải phát sinh từ chế biến mủ cao su, tinh bột mì) đã hoàn thành việc xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải đã đạt cột A của QCVN theo quy định; các nhà máy còn lại đang tiến hành cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải. Nguyên nhân do nước thải của ngành công nghiệp chế biến cao su, tinh bột mì có nồng độ ô nhiễm cao, công nghệ xử lý nước thải cần kinh phí lớn để xây dựng nên một số doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn về kinh phí trong việc thực hiện.

Nhằm có lộ trình cụ thể thực hiện sớm hoàn thành mục tiêu của Tỉnh ủy đề ra, Sở Tài nguyên và Môi trường có kiến nghị như sau:

- Đối với các doanh nghiệp nhỏ còn khó khăn kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt cột A, trong thời gian cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải phải áp dụng QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành xử lý đạt cột B tái sử dụng để tưới cây không được phép thải

vào nguồn tiếp nhận là sông, suối nhằm giảm thiểu tối đa nguồn ô nhiễm vào nguồn nước.

- Gia hạn thời gian hoàn thành việc nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải đạt cột A của các nhà máy chế biến cao su, tinh bột mì đến hết năm 2018.

Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát việc cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt cột A của các doanh nghiệp chế biến mủ cao su và tinh bột mì. Trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải theo đúng lộ trình sẽ báo cáo UBND tỉnh để kịp thời có biện pháp xử lý theo quy định.

V. Công tác quản lý hoạt động khai thác cát trên sông Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua tại Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 06/02/2015, trong đó bao gồm khu vực quy hoạch khoáng sản cát xây dựng sông Đồng Nai.

Trên cơ sở thỏa thuận quản lý, cấp phép khai thác cát, sỏi dọc sông Đồng Nai đoạn giáp ranh giữa hai tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng (Công văn số 2398/UBND-KTN ngày 29/7/2014 của UBND tỉnh Bình Phước và Công văn số 4590/UBND-ĐC ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng, thời gian thỏa thuận quản lý và cấp phép đến 31/12/2018), UBND tỉnh Bình Phước được giao quản lý và cấp phép trên chiều dài 19km, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh cấp phép cho Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Phát khai thác cát tại sông Đồng Nai thuộc xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, chiều dài khu vực cấp phép là 05km, thời gian cấp phép đến 31/12/2018 và cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước thăm dò khoáng sản cát xây dựng tại sông Đồng Nai với chiều dài 14km (chia làm 03 khu vực).

Trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản cát xây dựng trên sông Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị UBND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thống nhất với UBND huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản cát xây dựng trên sông Đồng Nai đoạn giáp ranh giữa hai huyện.

Đối với cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã họp, thống nhất tham mưu UBND hai tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Lâm Đồng (Quy chế phối hợp số 1239/QCPH-BP-LĐ ngày 06/3/2017). Trong đó quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp, trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương có liên quan.

Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đoàn thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm đơn vị được cấp phép khai thác cát trên sông Đồng Nai để kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp không chấp hành hoặc chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật trong khai thác khoáng sản. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường còn tổ chức các đoàn thanh kiểm tra theo kiến nghị của cử tri, tham gia các Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh,...

Trên đây là nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ tư của HĐND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo Thường trực HĐND tỉnh được rõ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Nguyễn Song Đoàn